

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	8,150 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.2%	52.3%	62.0%

DT thuần	2024		
	94.4	YoY	▲ 28.3
	tỷ VNĐ		▲ 42.8%

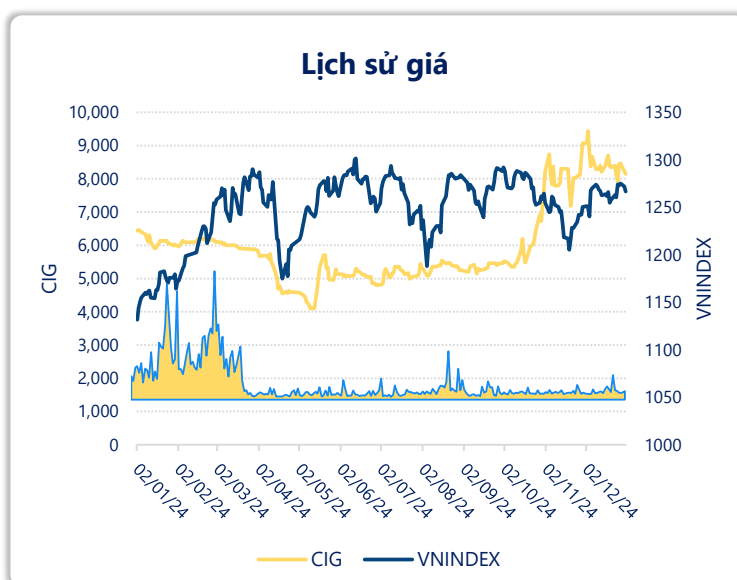
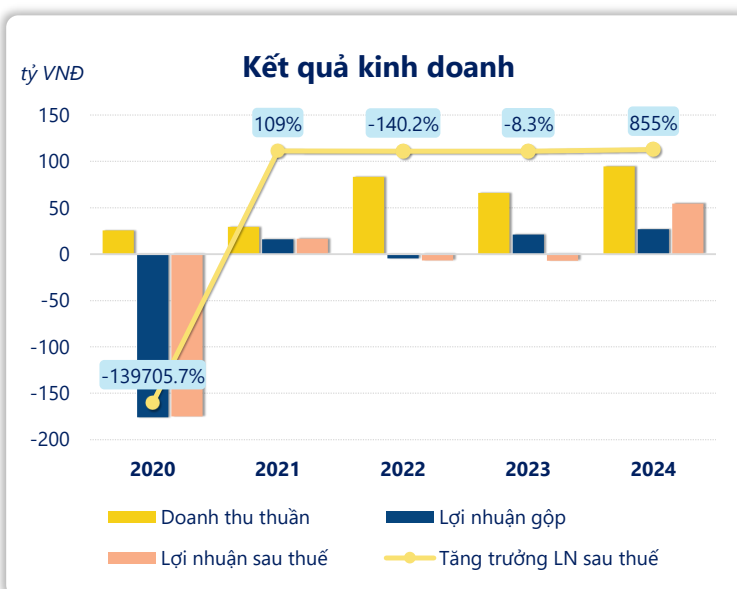
LN gộp	2024		
	26.8	YoY	▲ 5.70
	tỷ VNĐ		▲ 27.3%

LN thuần	2024		
	6.25	YoY	▲ 7.28
	tỷ VNĐ		▲ 705%

LN sau thuế	2024		
	54.4	YoY	▲ 61.6
	tỷ VNĐ		▲ 855%

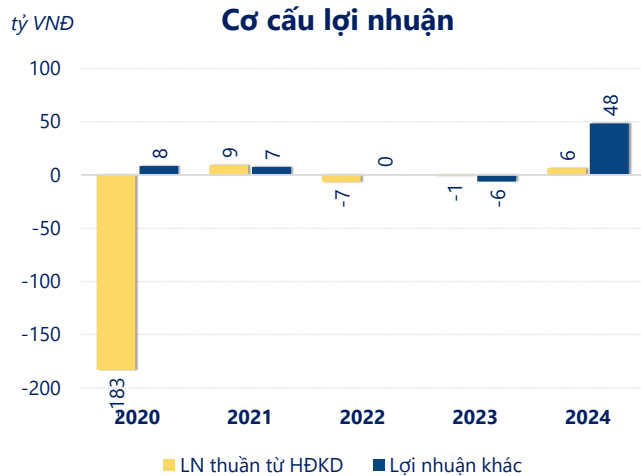
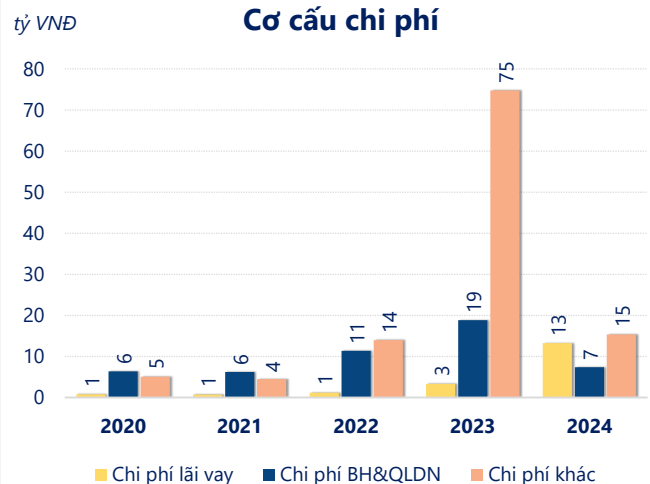
ROE	2024		
	30.0%	+/- YoY	▲ 34.6%

ROA	2024		
	6.5%	+/- YoY	▲ 7.5%



Kết quả kinh doanh **CIG** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 42.8%** đạt **94.44** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 855%** đạt **54.45** tỷ đồng.

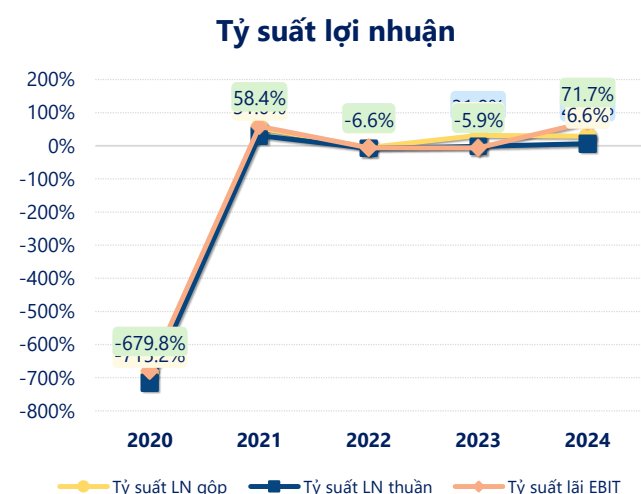
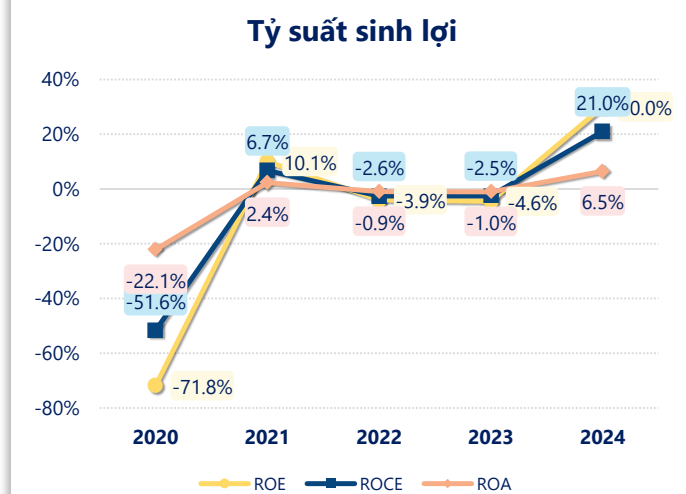
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **30.0%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.



Năm **2024**, **CIG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **6.25** tỷ đồng, **tăng lên 7.29** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (-35.12 tỷ đồng) là 41.37 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **13.23** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **7.36** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **15.35** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của CIG năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **30.0%**, đây là mức **ROE cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



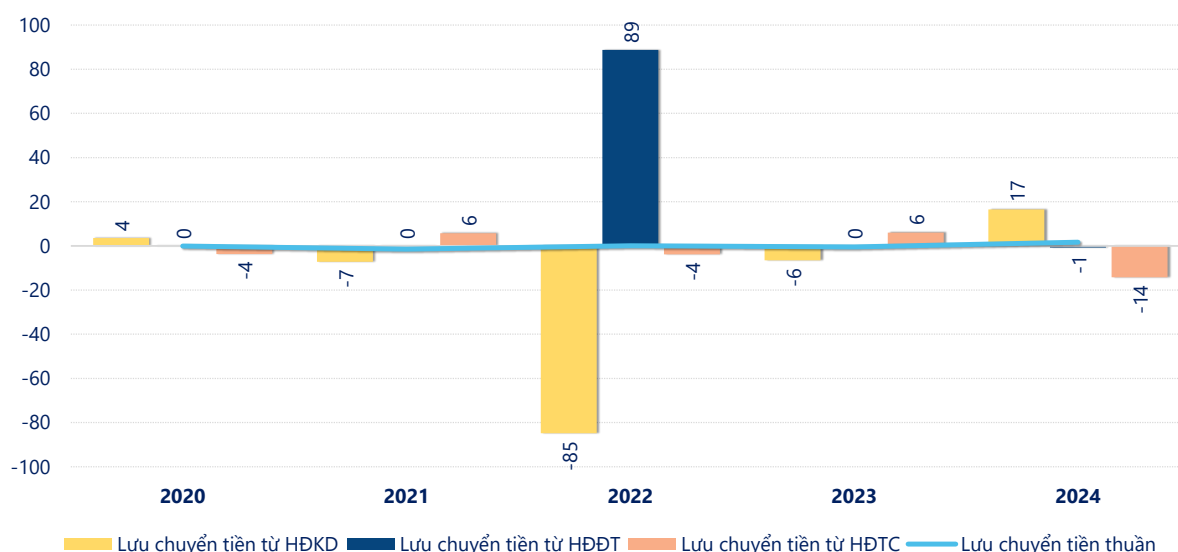
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	25.6	29.6	83.2	66.1	94.4
Giá vốn hàng bán	202	13.7	87.9	45.0	67.6
Lợi nhuận gộp	-176	15.8	-4.64	21.1	26.8
Doanh thu HĐTC	0.00	0.22	10.8	0.00	0.01
Chi phí TC	0.79	0.72	1.62	3.32	13.2
Chi phí lãi vay	0.79	0.72	1.12	3.32	13.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.27
Chi phí QLDN	6.36	6.18	11.3	18.8	7.09
LN thuần từ HĐKD	-183	9.17	-6.83	-1.03	6.25
Lợi nhuận khác	8.26	7.38	0.20	-6.17	48.2
LN trước thuế	-175	16.6	-6.63	-7.21	54.5
Lợi nhuận sau thuế	-175	16.5	-6.66	-7.21	54.4
LNST của CĐ cty mẹ	-175	16.5	-6.57	-7.20	54.5

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của CIG bằng **1.68** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-0.44 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **16.54** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.73** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-14.14** tỷ đồng.